

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày 07 – 02 - 2018
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Lý Văn Sua

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên
tòa:** Ông Đoàn Đắc Bắc – kiểm sát viên.

Trong ngày 06 và ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2016/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 766/2017/QĐXXST-KDTM ngày 22/9/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 915/2017/QĐXXST-KDTM ngày 06/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số C, đường P, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quang D, sinh năm: 1980, địa chỉ: Số A, đường L, Phường V, thành phố C tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền lại số 501/GUQ-CNCM ngày 04/8/2017). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn L

Địa chỉ: Số X, đường N, Khóm B, Phường Z, Tp C tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1982, địa chỉ: Số W, đường U, khóm I, Phường P, Tp C tỉnh Cà Mau. Chức vụ: Giám đốc công ty. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy sản T (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1978, địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty.

2/ Công ty trách nhiệm hữu hạn B (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Anh T, sinh năm: 1980, địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chức vụ: Giám đốc

3/ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y

Địa chỉ: Số E, đường Đ, khóm L, Phường H, Tp C tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1993, địa chỉ: Số Q, đường L, Phường X, Tp C tỉnh Cà Mau. Chức vụ: Giám đốc. (xin vắng mặt)

4/ Ông Trần Văn M, sinh năm: 1978

(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau

5/ Ông Trần Anh T, sinh năm: 1980

(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T tỉnh Cà Mau

6/ Ông Trần Văn Đ

(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quang D trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Theo các hợp đồng hạn mức được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) với Công ty TNHH L (sau đây được viết tắt là Công ty L), cụ thể là Hợp đồng hạn mức số 10./HĐHM ngày 01/04/2010, tổng hạn mức cấp tín dụng: 450.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 10. /HĐHM-SĐBS ngày 18/05/2010, tổng hạn mức cấp tín dụng: 4.000.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-10./HĐHM-SĐBS ngày 01/09/2010, tổng hạn mức cấp tín dụng: 1.000.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 02-10./HĐHM-SĐBS ngày 15/03/2011, tổng hạn mức cấp tín dụng: 5.000.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 03-10./HĐHM-SĐBS ngày 11/05/2011, tổng hạn mức cấp tín dụng: 1.600.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 04-10./HĐHM-SĐBS ngày 29/10/2011, tổng hạn mức cấp tín dụng 2.300.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 05-10./HĐHM-SĐBS ngày 18/01/2012, tổng hạn mức cấp tín dụng 5.000.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 06-10./HĐHM-SĐBS ngày 18/07/2012, tổng hạn mức cấp tín dụng 4.300.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 07-10./HĐHM-SĐBS ngày 13/11/2012, tổng hạn mức cấp tín dụng: 5.000.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 08-10./HĐHM-SĐBS ngày 27/07/2013, tổng hạn mức cấp tín dụng 4.643.000.000 đồng; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi, bổ sung số 09-10./HĐHM-SĐBS ngày 12/02/2014, tổng hạn mức cấp tín dụng: 5.000.000.000 đồng, thì Ngân hàng S ký kết với Công ty L Hợp đồng tín dụng số 13./HĐTDHM ngày 18/10/2013 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-13./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014, Hợp đồng tín dụng số 14./HĐTDHM ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-

14./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014, nội dung các hợp đồng này thỏa thuận như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 13./HĐTDHM ký ngày 18/10/2013 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-13./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014 theo phương thức hạn mức, vay 5.000.000.000đ, lãi suất là 13,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, có điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ, lãi phạt do chậm nộp lãi là 2% trên số lãi chậm nộp dưới 30 ngày, phạt 5% trên số lãi chậm nộp trên 30 ngày, thời hạn nhận nợ không quá 03 tháng, có gia hạn nợ. Công ty đã nhận tiền bằng 05 giấy nhận nợ, cụ thể là giấy nhận nợ số 01-13.250/GNN ngày 17/01/2013 nhận 3.243.000.000đ, giấy nhận nợ số 02-13.250/GNN ngày 07/11/2013 nhận 700.000.000đ, giấy nhận nợ số 03-13.250/GNN ngày 13/11/2013 nhận 700.000.000đ, giấy nhận nợ số 04-13.250/GNN ngày 17/01/2014 nhận 3.243.000.000đ và giấy nhận nợ số 05-13.205/GNN ngày 10/02/2014 nhận 700.000.000đ. Đã điều chỉnh lãi 02 lần, vào ngày 18/4/2014 điều chỉnh lãi còn 12,5%/năm, vào ngày 18/10/2014 điều chỉnh lãi còn 12%/năm cho đến nay. Quá trình thực hiện hợp đồng này, Công ty đã trả hết nợ vay theo giấy nhận nợ số 01-13.250/GNN ngày 17/01/2013, giấy nhận nợ số 02-13.250/GNN ngày 07/11/2013, giấy nhận nợ số 03-13.250/GNN ngày 13/11/2013 và giấy nhận nợ số 05-13.205/GNN ngày 10/02/2014.

Riêng đối với giấy nhận nợ số 04-13.250/GNN ngày 17/01/2014, Công ty đã trả được 1.274.000.000đ vốn, 540.461.740đ lãi đến hạn, tổng cộng là 1.814.461.740đ. Tính đến ngày 06/02/2018, Công ty còn nợ lại giấy nhận nợ số 04-13.250/GNN tổng cộng là 2.850.109.250đ, trong đó nợ vốn là 1.969.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 222.189.333đ, lãi phạt chậm nộp lãi là 11.109.917đ, lãi quá hạn là 647.801.000đ.

+ Hợp đồng tín dụng số 14./HĐTDHM ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-14./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014 theo phương thức hạn mức, vay 5.000.000.000đ, lãi suất là 13,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt do chậm nộp lãi là 2% trên số lãi chậm nộp dưới 30 ngày, phạt 5% trên số lãi chậm nộp trên 30 ngày, có điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ, thời hạn nhận nợ không quá 03 tháng, có gia hạn nợ. Công ty đã nhận 1.057.000đ theo biên nhận nợ số 01-14.029/GNN ngày 13/02/2014. Hợp đồng này có điều chỉnh lãi 02 lần, vào ngày 12/8/2014 điều chỉnh lãi còn 12,5%/năm, và ngày 12/02/2015 điều chỉnh lãi còn 12%/năm cho đến nay. Quá trình thực hiện hợp đồng này, Công ty đã trả được 234.473.889đ, trong đó vốn là 100.000.000đ, lãi trong hạn là 134.473.889đ. Lần trả lãi cuối cùng được 11.377.431đ vào ngày 29/02/2016. Tính đến ngày 06/02/2018, còn nợ tổng cộng là 1.421.145.525đ, trong đó nợ vốn là 975.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 153.120.500đ, nợ lãi phạt chậm nộp lãi là 7.656.025đ, lãi quá hạn là 303.369.000đ.

Về tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là 06 tài sản bảo đảm thể hiện ở các hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp số 10./HĐTC ngày 01/4/2010, tài sản thế chấp là hai quyền sử dụng đất số V239... và số W141... do ông Ngô Minh Ch và bà Trần Thị H đứng tên. Tài sản thế chấp này đã giải chấp vào ngày 03/6/2015.

Hợp đồng thế chấp số 02./HĐTC, thế chấp 03 tài sản, bao gồm: tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 538... đứng tên Ngô Minh Ch và Trần Thị H, đã giải chấp ngày 11/5/2015. Và tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 538... đứng tên Mai Thị H1 và Trần Văn Th, đã giải chấp ngày 08/4/2015. Tài sản là quyền sử dụng đất số BA 538... do Mai Thị H1 và Trần Văn Th đứng tên, đã giải chấp ngày 16/4/2015.

Riêng đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 269..., thửa đất số 130, tờ bản đồ số 17, địa chỉ ở ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013, chủ sở hữu là Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản T. Tài sản đảm bảo trên thế hiện trên Hợp đồng thế chấp số 12./HĐTC ngày 18/01/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 12./HĐTC-SĐBS ngày 18/07/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01-12./HĐTC-SĐBS ngày 13/11/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 02-12./HĐTC-SĐBS ngày 27/07/2013 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 03-12./HĐTC-SĐBS ngày 12/02/2014. Tài sản bảo đảm này cũng đồng thời bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH B. Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH B về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Cà Mau nhưng đến nay chưa xét xử.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Công ty L thanh toán khoản nợ còn thiếu của hai hợp đồng trên tính đến ngày 06/02/2018 tổng cộng là 4.271.254.775đ, trong đó nợ vốn là 2.926.000.000đ, lãi trong hạn là 375.318.833đ, lãi quá hạn là 951.170.000đ, phạt chậm nộp lãi là 18.765.942đ. Và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp Công ty L không thanh toán thì yêu cầu cho phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 269..., thửa đất số 130, tờ bản đồ số 17, địa chỉ ở ấp A, xã K huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013, chủ sở hữu là Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản T, để thu hồi nợ khoản vay của Công ty L.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Ngân hàng S có yêu cầu bổ sung là thu giữ tài sản thế chấp giao cho Ngân hàng S theo điểm 7.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp và Điều 7 về quyền thu giữ tài sản bảo đảm của Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, và yêu cầu Công ty L phải trả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác định không tiếp tục khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết hai yêu cầu bổ sung nêu trên trong vụ này.

Việc Công ty TNHH MTV Thủy sản T cho Công ty TNHH MTV Y thuê trên phần tài sản đã thế chấp, Ngân hàng S không biết và không đồng ý việc cho thuê này.

Tại biên bản ghi ý kiến của đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Công ty TNHH L có ký hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng TMCP S, bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 13./HĐTDHM ngày 18/10/2013 vay số tiền 3.243.000.000đ, có thế chấp 02 quyền sử dụng đất ở phường 8, Tp Cà Mau, 01 quyền sử dụng đất ở phường 5, 02 quyền sử dụng đất ở khóm 1, thị trấn S. Và Hợp đồng số 14./HĐTDHM ngày 12/02/2014 vay số tiền 1.057.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty L trả được khoảng 2.600.000.000đ, không rõ cụ thể bao nhiêu. Hiện nay còn nợ bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ. Nay Ngân hàng yêu cầu trả số nợ của hai hợp đồng theo đơn khởi kiện là 4.129.343.775đ, bà không đồng ý.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác trên đất của Công ty TNHH MTV thủy sản T vẫn do Công ty T đang quản lý, sử dụng, có xây thêm một số nhà xưởng. Nay Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp này, bà không đồng ý vì bà không có quyền quyết định, quyền quyết định là của Công ty T. Hiện nay Công ty T vẫn còn đang hoạt động.

Bà có phương án trả nợ là xin Ngân hàng ngưng tính lãi, xin được trả vốn, nếu Ngân hàng đồng ý thì sẽ trả mỗi tháng khoảng từ 60.000.000đ đến 70.000.000đ.

Ngoài ra, tại biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2017, bà Trần Thị H còn cho rằng, nhà máy Công ty T có cho Công ty Y thuê lại một phần để xây dựng nhằm duy trì hoạt động của Công ty T và để các trang thiết bị không bị hư hỏng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tiến độ giải quyết vụ án chậm do các đương sự là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, không tham gia tố tụng, trong khi nguyên đơn thì không cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại, không khởi kiện hai yêu cầu bổ sung nên không xem xét. Các hợp đồng vay giữa Công ty L với Ngân hàng S là có thực nên được chấp nhận về việc Công ty T phải trả số tiền vốn, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn còn thiếu, không chấp nhận khoản phạt chậm nộp lãi. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 269, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 17, địa chỉ ở ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013, chủ sở hữu là Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản T cho hai hợp đồng tín dụng đã vay là phù hợp quy định nên có cơ sở chấp nhận xử lý tài

sản thế chấp. Vì vậy, căn cứ vào điều 355, 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 135 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Luật tố chức tín dụng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty L trả tổng cộng là 4.271.254.775đ, trong đó nợ vốn là 2.926.000.000đ, lãi trong hạn là 375.318.833đ, lãi quá hạn là 951.170.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Không chấp nhận khoản phạt chậm nộp lãi là 18.765.942đ. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Buộc Công ty phải chịu án phí theo quy định trên số tiền phải trả, Ngân hàng phải chịu trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty TNHH L, Công ty TNHH MTV Thủy sản T, Công ty TNHH B và các ông Trần Văn M, Trần Anh T và Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn Công ty TNHH Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Hợp đồng tín dụng số 13./HĐTDHM ngày 18/10/2013 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-13./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014, Hợp đồng tín dụng số 14./HĐTDHM ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01-14./HĐTDHM-SĐBS ngày 17/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP S với Công ty TNHH L được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu Công ty L trả các khoản nợ tính đến ngày 06/02/2018, tổng cộng là 4.271.254.775đ, trong đó nợ vốn là 2.926.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 375.318.833đ, nợ lãi quá hạn là 951.170.000đ, nợ phạt chậm nộp lãi là 18.765.942đ và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng của Ngân hàng S, xét thấy, các yêu cầu về trả nợ vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn phù hợp với nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp với giấy nhận nợ, bảng tính chi tiết lãi vay, các phiếu thu nợ, giấy báo số dư (bút lục số từ số 31 đến số 45, từ số 73 đến số 88, từ số 348 đến số 380) nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Công ty TNHH L phải trả cho Ngân hàng TMCP S, tính đến ngày 06/02/2018, số tiền nợ vốn là 2.926.000.000đ, lãi trong hạn là 375.318.833đ, lãi quá hạn là 951.170.000đ và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ vốn. Riêng đối với yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi số tiền 18.765.942đ là lãi chồng lãi, không phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12./HĐTC ngày 18/01/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 12./HĐTC-SĐBS ngày 18/07/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01-12./HĐTC-SĐBS ngày 13/11/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 02-12./HĐTC-SĐBS ngày 27/07/2013 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 03-12./HĐTC-SĐBS ngày 12/02/2014 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 269..., thửa đất số 130, tờ bản đồ số 17, địa chỉ ở ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013, chủ sở hữu, sử dụng là Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản T, xét thấy, các hợp đồng thế chấp này có nội dung và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thế chấp, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thanh toán nợ cho Nguyên đơn đúng thời hạn thỏa thuận, mặt khác, tài sản thế chấp cho khoản vay này cũng đồng thời bảo đảm cho khoản vay của công ty TNHH MTV Thủy sản T và Công ty TNHH B ở hai hợp đồng tín dụng khác nhau, hiện nay Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau nhưng đến nay chưa xét xử, do đó chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 324, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với việc bà Trần Thị Hạnh cho rằng Công ty TNHH MTV Thủy sản T có cho Công ty TNHH MTV Y thuê trên phần tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Sài Gòn Công thương, xét thấy, hiện nay, Công ty TNHH MTV thủy sản T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án trong khi Công ty TNHH MTV Y biết nhưng không thể hiện ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án này.

Đối với việc Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết việc thu giữ tài sản thế chấp và yêu cầu Công ty L chịu các khoản phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy, các yêu cầu này được bổ sung sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chưa đóng tiền tạm ứng án phí, hiện nay Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Công ty TNHH L phải chịu án phí trên số tiền phải trả, Ngân hàng TMCP S phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 324, 342, 355, 474 và 476 Bộ luật

dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng, Ấn lệ số 08/2016/AL;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn L thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S các khoản, tính đến ngày 06/02/2018, tổng cộng là 4.252.488.833đ (Bốn tỷ hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó, tiền gốc là 2.926.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 375.318.833đ, tiền lãi quá hạn là 951.170.000đ và lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vốn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/02/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy sản Tư Thao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 269... đứng tên Công ty TNHH MTV Thủy sản T do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013 khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản T phải có trách nhiệm giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BG 269..., thửa đất số 130, tờ bản đồ số 17, địa chỉ ở ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/01/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu ngày 22/08/2013 do Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản T đứng tên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12./HĐTC ngày 18/01/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 12./HĐTC-SĐBS ngày 18/07/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01-12./HĐTC-SĐBS ngày 13/11/2012, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 02-12./HĐTC-SĐBS ngày 27/07/2013 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 03-12./HĐTC-SĐBS ngày 12/02/2014 cho cơ quan thi hành án xử lý sản thế chấp theo quy định trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền phạt chậm trả lãi là 18.765.942đ.

3/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH L phải nộp 112.252.000đ (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP S phải nộp 3.000.000đ, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 51.500.000đ theo biên lai thu số 0003736 ngày 23/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 48.500.000đ khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh